

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **597**/UBND-CSDT

V/v báo cáo, đánh giá thực hiện các chế độ, chính sách trên địa bàn các xã khu vực II, III đạt chuẩn nông thôn mới.

Hà Nội, ngày **15** tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

Thực hiện Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 01/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại cuộc họp với các bộ, cơ quan về dự thảo Quyết định điều chỉnh, bổ sung danh sách xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo một số nội dung sau:

1. Tình hình thực hiện chế độ, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã khu vực II, khu vực III trước và sau khi được cấp thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Thống kê chi tiết tên chế độ, chính sách, các khoản hỗ trợ, số lượng đối tượng thụ hưởng, định mức hỗ trợ, kinh phí và nguồn vốn hỗ trợ (thống kê các chế độ, chính sách chi trực tiếp đối với con người, không thống kê số liệu các chính sách đầu tư và tổng hợp phụ biểu gửi kèm).

2. Xây dựng báo cáo đánh giá tác động đến đời sống của người dân khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (mô tả thực trạng, phân tích bất cập, hậu quả và nguyên nhân). Trong quá trình phân tích, đánh giá đề nghị có số liệu so sánh, chứng minh cụ thể.

3. Đề xuất kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; cần phân tích, rõ lý do đưa ra kiến nghị, đề xuất, phân tích tác động tích cực và tác động tiêu cực của kiến nghị đề xuất, dự kiến kinh phí và nguồn kinh phí nếu triển khai thực hiện (đề nghị lập biểu ghi rõ tên chính sách, đối tượng hưởng, mức hưởng, thời gian hưởng, tổng kinh phí, nguồn ngân sách hỗ trợ, trong đó ghi rõ ngân sách trung ương cần bổ sung).

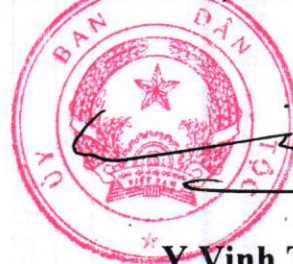
Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương triển khai, thực hiện và gửi báo cáo về số 349 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội **trước ngày 30/4/2024** (để thuận tiện cho việc tổng hợp, báo cáo Chính phủ, bản điện tử định dạng Microsoft Word, Excel gửi về địa chỉ email vuchinhsachdantoc@cema.gov.vn).

Rất mong Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh (để p/h);
- Lưu VT, CSĐT. **3**

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Y Vinh Tor

**THÔNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KHU VỰC II, III
ĐẾN NAY ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo công văn số 597 /UBND-CSĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc)

| STT | Tên huyện, xã/chế độ, chính sách thụ hưởng | Số liệu thống kê trước khi xã đạt chuẩn nông thôn mới | | | | | Số liệu thống kê sau khi xã đạt chuẩn nông thôn mới | | | | Ghi chú |
|-----|--|---|---------------------------|----------|----------------------|-----------------------|---|----------|----------------------|-----------------------|---------|
| | | Xã thuộc khu vực | Số lượng đối tượng hỗ trợ | Định mức | Tổng kinh phí hỗ trợ | Nguồn kinh phí hỗ trợ | Số lượng đối tượng hỗ trợ | Định mức | Tổng kinh phí hỗ trợ | Nguồn kinh phí hỗ trợ | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| A | Huyện A | | | | | | | | | | |
| I | Xã X | III | | | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ mua thẻ BHYT | | | | | | | | | | |
| 2 | Chính sách hỗ trợ giáo dục | | | | | | | | | | |
| - | Hỗ trợ tiền ăn | | | | | | | | | | |
| - | Hỗ trợ giáo viên | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

Ghi chú

Cột 2: Thống kê tất cả các chế độ, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho con người bị tác động sau khi xã được công nhận đạt chuẩn NTM

Cột 3: Ghi khu vực được công nhận tại Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021

Cột 4 đến cột 7: Ghi số liệu tại thời điểm gần nhất so với ngày của QĐ cấp thẩm quyền công nhận nông thôn mới

Cột 8 đến cột 11: Ghi số liệu tại thời điểm báo cáo

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

1. Bắc Kạn
2. Bắc Giang
3. Bình Phước
4. Cao Bằng
5. Đắk Lắk
6. Đắk Nông
7. Điện Biên
8. Gia Lai
9. Hà Giang
10. Hòa Bình
11. Kon Tum
12. Lai Châu
13. Lạng Sơn
14. Lào Cai
15. Lâm Đồng
16. Ninh Thuận
17. Quảng Nam
18. Quảng Ngãi
19. Sóc Trăng
20. Sơn La
21. Thái Nguyên
22. Thanh Hóa
23. Tuyên Quang
24. Trà Vinh
25. Yên Bái